TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 190/2023/QĐST-HNGĐ

H, ngày 23 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 149, Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 và 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 6 và khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 196/2023/TLST-HNGĐ ngày 10-10-2023 về việc *"yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn"*, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Anh Chu Thanh Ng, sinh năm 1989; địa chỉ nơi thường trú: tổ 3, khu 2, phường H1, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

2. Chị Lương Thị G, sinh năm 1986; địa chỉ nơi thường trú: thôn C, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Chu Thanh Ng và chị Lương Thị G tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H1, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 27-8-2019. Nên hôn nhân giữa anh Ng và chị G là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, anh Ng và chị G về chung sống tại nhà bố mẹ đẻ của anh Ng ở tổ 3, khu 2, phường H1, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Anh Ng và chị G chung sống hạnh phúc đến tháng 8-2022 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung trong sinh hoạt gia đình. Anh Ng và chị G hiện vẫn sống chung nhà nhưng đã sinh hoạt riêng và ly thân về mặt tình cảm, không còn quan tâm đến nhau. Nay anh Ng và chị G đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã hết nên cùng thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của anh,

chị. Xét thấy, việc anh Ng và chị G thuận tình ly hôn là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Anh Chu Thanh Ng và chị Lương Thị G thỏa thuận anh Ng và chị G không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, việc thỏa thuận nêu trên giữa anh Ng và chị G là tự nguyện, phù hợp với quyền tự quyết định và định đoạt của đương sự quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Chu Thanh Ng và chị Lương Thị G thỏa thuận anh Ng và chị G không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, việc thỏa thuận nêu trên giữa anh Ng và chị G là tự nguyện, phù hợp với quyền tự quyết định và định đoạt của đương sự quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Chu Thanh Ng và chị Lương Thị G thỏa thuận anh Ng có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6 và khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 *(bảy)* ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 13-10-2023), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Chu Thanh Ng và chị Lương Thị G thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Chu Thanh Ng và chị Lương Thị G thỏa thuận anh Ng và chị G không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh Chu Thanh Ng và chị Lương Thị G thỏa thuận anh Ng và chị G không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Anh Chu Thanh Ng và chị Lương Thị G thỏa thuận anh Ng và chị G không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Chu Thanh Ng và chị Lương Thị G thỏa thuận anh Chu Thanh Ng có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự. Nhưng được trừ đi số tiền 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng lệ phí anh Ng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000034 ngày 10-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Anh N đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Anh Ng; chị G;
- VKSND TP. H;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS TP. H;
- UBND phường H1,
TP. H, tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Bùi Thị Tố Nga